

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TK - TỈNH HD**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/9/2022

Về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TK - TỈNH HD

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Quang Liêm.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh HD.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TK, tỉnh HD tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TK, tỉnh HD xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 185/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Th**, sinh năm: 1990.

ĐKHKT: thôn Ngọc Chấn, xã Tái Sơn, huyện TK, tỉnh HD.

Trú tại: thôn Lạc Dục, xã Hưng Đạo, huyện TK, tỉnh HD.

Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh **Trương Văn T**, sinh năm: 1988.

ĐKHKT và trú tại: thôn Ngọc Chấn, xã Tái Sơn, huyện TK, tỉnh HD.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày: Chị và anh Trương Văn T được tự do tìm hiểu nhau hai năm thì tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tái Sơn, huyện TK, tỉnh HD vào ngày 02/11/2009. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại nhà của

bố mẹ đẻ anh T. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được hơn 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T còn mãi chơi, không chí thú với gia đình và không cùng chị tập trung làm ăn kinh tế, không chăm lo cho vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã, to tiếng với nhau. Do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc nên năm 2016, chị đưa con gái của anh chị về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn Lạc Dục, xã Hưng Đạo, huyện TK. Vợ chồng ly thân nhau từ đó đến nay, anh T cũng không đến nhà bố mẹ đẻ vợ chồng hàn gắn đoàn tụ và không đón mẹ con chị về. Gia đình hai bên đều biết mâu thuẫn của vợ chồng chị và nhiều lần động viên, hòa giải cho vợ chồng chị để anh chị cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng anh T vẫn không quan tâm đến mẹ con chị nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, xa cách. Nay, chị nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung với anh T được nữa nên chị xin Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T để anh chị sớm ổn định cuộc sống. Hiện nay, chị bán hàng ăn cho bố mẹ đẻ chị tại chợ Lạc Dục, xã Hưng Đạo, huyện TK, tỉnh HD; thu nhập trung bình của chị được khoảng 7.000.000 đồng/tháng; có chỗ ở ổn định, lâu dài và rộng rãi do chị có thể ở nhờ được nhà bố mẹ đẻ chị nên chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng con tốt. Nay, chị vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T và giải quyết về quan hệ con chung của anh chị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Trương Văn T thông qua bố mẹ đẻ anh T là ông Trương Văn Nh và bà Phạm Thị T. Mặc dù không ký tên trong các biên bản của Tòa án nhưng ông bà xác định: Hiện nay, anh T đang ở với ông bà và không có mặt ở nhà nên các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh T thì ông bà nhận thay và thông tin hoặc anh T về thì ông bà sẽ giao lại các văn bản của Tòa án cho anh T đồng thời động viên anh T đến Tòa án làm việc theo lịch của Tòa án. Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Theo ông bà trình bày, chị Th và anh T được tự do tìm hiểu, kết hôn với nhau vào ngày 02/11/2009, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tái Sơn, huyện TK, tỉnh HD. Sau ngày cưới, anh chị chung sống tại nhà của ông bà. Cuộc sống vợ chồng không được như ý, vợ chồng không được hạnh phúc. Anh T ít quan tâm gia đình, cũng không mấy chí thú với gia đình nên chị Th về ở nhà mẹ bố mẹ đẻ chị được 4 năm nay. Cuộc sống vợ chồng lạnh nhạt và anh chị đã sống ly thân khoảng 5 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay, chị Th xin ly hôn anh T, là bậc cha mẹ ai cũng mong muốn con cái hạnh phúc, đề nghị Tòa án hòa giải cho hai vợ chồng anh chị nhưng trong trường hợp chị Th kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật vì giữ người ở lại chứ không ai giữ người đi. Về con chung, vợ chồng chị Th và anh T có một con chung, hiện nay, con chung đang ở cùng chị Th. Ông bà đề nghị Tòa án giao con cho chị Th vì cháu là con gái, ở cùng mẹ sẽ thuận tiện hơn và đảm bảo quyền lợi cho cháu. Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên thì anh chị không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2022, ông Nguyễn Văn H, bố đẻ của chị Th, trình bày: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trương Văn T kết hôn với nhau

vào năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tái Sơn, huyện TK, tỉnh HD. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T còn mãi chơi, vợ chồng không tập trung kinh tế, giữa hai người không có sự thống nhất về mọi mặt và không tìm được tiếng nói chung nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, thiếu sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn gia đình luôn căng thẳng, ảnh hưởng đến tâm lý con chung của anh chị. Chị Th đã về nhà ông bà ở nhờ. Anh T có gọi điện, nhắn tin cho chị Th để nói chuyện nhưng hai vợ chồng vẫn không thống nhất được quan điểm nên vẫn tiếp tục ly thân và từ đó không còn quan tâm đến nhau nữa. Quan điểm của ông bà cũng mong muốn chị Th và anh T về đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng do vợ chồng anh chị sống ly thân được gần 6 năm nay, không còn quan tâm đến nhau nên ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Th, cho chị Th được ly hôn anh T. Vợ chồng anh chị có một con chung, hiện con đang ở với chị Th và gia đình ông, do chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vợ chồng ông có chỗ ở ổn định, nhà cửa rộng rãi và chị Th bán hàng ăn cho vợ chồng ông tại chợ Lạc Dục, xã Hưng Đạo, huyện TK, vợ chồng ông trả cho chị Th 7 triệu đồng/tháng nên đủ điều kiện cho chị Th nuôi dưỡng con tốt. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án tiếp tục giao con chung của anh chị cho chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với vợ chồng ông thì anh chị không có.

Về quan hệ con chung: Chị Th và gia đình hai bên trình bày, vợ chồng có một con chung là Trương Quỳnh A, sinh ngày 22/9/2011. Hiện, chị Th đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Chị đề nghị Tòa án giao cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị có chỗ ở ổn định tại nhà của bố mẹ đẻ chị và chị bán hàng ăn cho bố mẹ chị, thu nhập trung bình của chị được 7 triệu đồng/tháng nên chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng con tốt. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2022, cháu Trương Quỳnh A có nguyện vọng được ở với chị Thủy.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên anh chị không có, chị Thủy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo Biên bản xác minh ngày 23/8/2022 tại Ủy ban nhân dân xã Tái Sơn thể hiện: Chị Th và anh T được tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tái Sơn, huyện TK vào ngày 02/11/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà anh T cùng bố mẹ anh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được hơn hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T mãi chơi, không chí thú với gia đình và không chăm lo đến cuộc sống vợ chồng. Khoảng năm 2016, chị Th về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Lạc Dục, xã Hưng Đạo, huyện TK và vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Nay, chị Th xin ly hôn anh T thì đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn để vợ chồng sớm ổn định cuộc sống. Hiện nay, anh T vẫn đang cư trú và sinh sống cùng nhà với bố mẹ anh tại thôn Ngọc Chấn, xã Tái Sơn, huyện TK, tỉnh HD. Anh chị có một con chung do chị Th nuôi dưỡng. Về con chung, đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng. Anh chị không có tài sản chung, nợ chung, không

có tài sản riêng, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, không có công sức đóng góp với gia đình hai bên.

Tại Công văn số: 18755/QLXNC-P5 ngày 12/9/2022 và Công văn số: 19654/QLXNC-P5 ngày 19/9/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an cung cấp: theo dữ liệu Cục Quản lý xuất nhập cảnh quản lý có trường hợp Trương Văn T, sinh ngày 20/11/1988 tại HD, CMND số 142417644, khai hộ khẩu thường trú tại Ngọc Chấn, Tái Sơn, huyện TK, HD; đã sử dụng hộ chiếu số B0555526 để xuất cảnh ngày 24/01/2007 và nhập cảnh ngày 13/3/2008 qua cửa khẩu Nội Bài.

Chị Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và giữ nguyên quan điểm về việc giải quyết vụ án như chị đã trình bày với Tòa án, ngoài ra, chị không có yêu cầu, đề nghị gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ vợ chồng: xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Trương Văn T; về quan hệ con chung: Giao con chung Trương Quỳnh A, sinh ngày 22/9/2011 cho chị Nguyễn Thị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian kể từ tháng 9/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Th về việc chị Th không yêu cầu anh Trương Văn T cấp dưỡng nuôi con. Anh Trương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về án phí: buộc chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng. Chị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày 09/9/2022; tại phiên tòa, anh T vắng mặt, Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào ngày hôm nay 26/9/2022. Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn vắng mặt, chị Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh T, chị Th theo quy định

tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trương Văn T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tái Sơn, huyện TK, tỉnh HD vào ngày 02/11/2009 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh, chị hạnh phúc được hơn hai năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có cùng quan điểm sống và không thống nhất với nhau trong mọi việc. Anh T không tập trung kinh tế với chị Th. Trong cuộc sống vợ chồng, anh chị thiếu sự quan tâm, chia sẻ đối với nhau nên cuộc sống chung của anh chị không có hạnh phúc. Hai người đã sống ly thân gần 06 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải cho anh chị nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Hiện nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần qua bố mẹ đẻ anh, anh T đã biết việc Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, điều đó thể hiện anh không có thiện chí mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy: mâu thuẫn của chị Th và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Th xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Về quan hệ con chung: chị Th và anh T có một con chung là Trương Quỳnh A, sinh ngày 22/9/2011, hiện đang ở với chị Th. Sau ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hiện tại, chị đang bán hàng ăn cho bố mẹ đẻ chị, thu nhập trung bình của chị được 7 triệu đồng/tháng; bố mẹ đẻ chị luôn tạo điều kiện cho mẹ con chị về chỗ ở nên chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng con tốt. Mặt khác, cháu Trương Quỳnh A cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, gia đình chị Th và anh T đều đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng. Chị Th có công việc tốt, thu nhập ổn định, có chỗ ở thuận lợi, lại được sự giúp đỡ của bố mẹ đẻ trong việc nuôi dưỡng con nên chị Th có nguyện vọng được nuôi dưỡng con và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con là chính đáng, đảm bảo quyền lợi của con, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên: anh chị không có, chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Th xin ly hôn anh Trương Văn T nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228;

điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ vợ chồng*: xử cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Trương Văn T.

- *Về quan hệ con chung*: Giao con chung Trương Quỳnh A, sinh ngày 22/9/2011 cho chị Nguyễn Thị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thời gian kể từ tháng 9/2022 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Th về việc chị Th không yêu cầu anh Trương Văn T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0000670 ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TK. Chị Nguyễn Thị Th đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí sơ thẩm ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Th và anh T. Chị Th và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TK;
- Chi cục THADS huyện TK;
- Các đương sự;
- UBND xã Tái Sơn, huyện TK để lưu hồ tịch (Kết hôn ngày 02/11/2009 tại UBND xã TS, huyện TK);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thúy Hạnh